

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.
2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh A. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh A. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-12-2020, nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày: Ông T và bà Võ Thị L quen biết và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1982, không đăng ký kết hôn. Sau thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung sinh năm 1983, đến năm 1984 thì vợ chồng mâu thuẫn và không sống chung từ đó đến nay. Do vợ chồng không đoàn tụ được và tình cảm vợ chồng không còn vì vậy ông T xin ly hôn với bà L. Về con chung, ông T và bà L có 01 người con chung tên Phạm Hồng Q, sinh năm 1983 nay đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết, ông T đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là bà Võ Thị L đã được Tòa án thông báo việc ông T xin ly hôn nhưng bà L không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, không tham gia hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Phạm Văn T xin ly hôn với bà Võ Thị L vì vậy xác định tranh chấp giữa ông T và bà L là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bị đơn là bà L đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn là ông T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của ông T và tài liệu đã thu thập thì quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L được xác lập vào năm 1982, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 1984 ông T với bà L phát sinh mâu thuẫn và không sống chung từ đó đến nay, do tình cảm không còn nên ông T xin ly hôn với bà L. Theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2010 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000 quy định: *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Như vậy quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 tuy không có đăng ký kết hôn nhưng pháp luật vẫn công nhận là vợ chồng, nay ông T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy từ năm 1984 đến nay ông T và bà L không còn sống chung, bà L không phản đối yêu cầu ly hôn của ông T, việc này cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T ly hôn với bà L.

[3] Về con chung: Con chung của ông T và bà L tên Phạm Hồng Q đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất tinh thần nên không giải quyết việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, tuy nhiên do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn toàn bộ án phí cho ông T theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với bà Võ Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T được ly hôn với bà Võ Thị L.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí.

2- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến